ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KÔNG LƠNG KHƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 14 /BC-UBND	*Kông Lơng Khơng, ngày 24 tháng 02 năm 2022*

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT-TW ngày 01/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới

I. Đánh giá tình hình phổ biến, quán triệt, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Chỉ thị số 20-CT/TW.

Sau khi nhận thức tầm quan trọng của Chỉ thị số 20/CT-TW Thường trực Đảng ủy xã đã tổ chức Hội nghị và xây dựng kế hoạch triển khai, phổ biến học tập cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ. Trong 10 năm qua đã tổ chức được tổ chức được 02 hội nghị, 04 cuộc họp chi bộ trực thuộc, 10 cuộc họp chi bộ cơ sở.

Chỉ đạo các tuyên truyền viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền qua các buổi họp thôn, làng và lồng ghép với các buổi họp của các đoàn thể dưới cơ sở.

Việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TW theo đúng quy trình, nội dung và thời gian theo hướng dẫn của Huyện Ủy phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện:

- Kế hoạch về công tác trẻ em và kế hoạch triển khai tháng hành động vì trẻ em giai đoạn 2012-2017

- Kế hoạch số 18/KH-UBND thực hiện chương trình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em xã Kông Lơng Khơng giai đoạn 2016-2020.

II. Đánh giá những kết quả đạt được theo các nhiệm vụ trọng tâm của Chỉ thị số 20-CT/TW đã đề ra, tập trung đánh giá những nội dung sau:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp;

Hàng năm Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành các kế hoạch kiểm tra, giám sát đến tổ chức cơ sở Đảng trong công tác xây dựng kế hoạch tuyên truyền triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị, chương trình, kế hoạch của Trung ương, tỉnh, huyện xã về hoạt động chăm sóc trẻ em tại UBND và Trạm y tế các Trường học tại xã giám sát trong Chương trình tiêm chủng mở rộng các đợt tiêm Chiến dịch mở rộng, chương trình

dinh dưỡng (cân đo, uống vitamin thường xuyên theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ, chế độ dinh dưỡng, các dự án hỗ trở trẻ suy dinh dưỡng) chương trình Làm mẹ an toàn định kỳ hàng tháng báo cáo. Các nội dung giám sát chủ yếu như xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện của từng chương trình một về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Trong 10 năm qua đã kiểm tra, giám sát được 02 cuộc, chỉ đạo cho các tổ chức cơ sở Đảng xây dựng kế hoạch tự giám sát, kiểm tra.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện quyền trẻ em tại xã; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Các cơ quan chuyên môn phối hợp theo dõi, giám sát các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động;

Hàng năm, UBND xã đều xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương, phối hợp với các ban ngành đoàn thể xã để xuống các thôn, làng tuyên truyền các nội dung chính sách pháp luật của nhà nước theo từng lĩnh vực mà ban ngành mình phụ trách. Bên canh đó, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn được phổ biến lồng ghép trong các cuộc họp các thôn, làng

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em;

UBND xã giao cho công chức phụ trách lĩnh vực Lao động TBXH xây dựng kế hoạch trẻ em hàng năm và theo các giai đoạn để thực hiện đúng các nội dung của Chỉ thị đề ra.

- Công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện quyền trẻ em, việc bảo đảm quyền trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh, nhất là trước những tác động của đại dịch Covid-19;

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em luôn được các cấp, các ngành ở địa phương ngày càng quan tâm, Ủy ban nhân dân xã ra Quyết định thành lập Ban điều hành, Ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em, có bố trí thêm đội ngũ Cán bộ làm công tác bảo vệ chăm

sóc trẻ em cấp xã và Cộng tác viên ở 9 thôn, làng. Phối hợp với các ban, ngành đoàn thể như Hội PN, Hội ND, Đoàn TN xã, Ban công an, trạm Y tế, Tư pháp, Văn hóa Xã hội và các đơn vị nhà trường đóng chân trên địa bàn tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ BVCS&GD trẻ em.

CC Lao động Thương binh và Xã hội: Phối hợp phổ biến pháp luật, các chính sách hỗ trợ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Là cầu nối và cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em. Kịp thời phát hiện các đối tượng trẻ em có nguy cơ để có biện pháp hỗ trợ can thiệp. Tổng hợp số liệu, phân tích báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác bảo vệ trẻ em, tham gia họp giao ban hàng tháng và đột xuất khi cần thiết.

CC Văn hóa – Thông tin: Soạn các bài tin tuyên truyền về các nội dung phòng chống xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, phòng chống dịch bệnh covid-19 và phát qua hệ thống loa truyền thanh xã.

Bộ phận Công an: Phối hợp các nhà trường và Đoàn thanh niên tổ chức tuyên truyền tốt Luật an toàn giao thông để hạn chế tai nạn giao thông và vi phạm quy định về giao thông cho trẻ em .Phối hợp với các thôn, làng duy trì và thực hiện tốt các mô hình tự quản để đảm bảo tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn. Phối hợp với cán bộ bảo vệ trẻ em để thực hiện tốt công tác phòng ngừa xâm hại trẻ em, đảm bảo quyền lợi cho trẻ em.

Trạm y tế: Cung cấp các dịch vụ y tế, hỗ trợ can thiệp đối với các em bị bạo lực, bị tai nạn thương tích, trẻ em mắc bệnh. Triển khai thực hiện các chương trình góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em. Tiến hành tiêm chủng mở rộng và tiêm vét đầy đủ.

Giáo dục: Thực hiện lồng ghép, tổ chức các buổi học ngoại khóa nhằm giáo dục, nâng cao ý thức ở trẻ em, góp phần giúp rèn luyện kỹ năng tự bảo vệ mình cho các em, phòng ngừa tai nạn thương tích, tránh bị xâm hại; cũng như giúp các bậc phụ huynh hiểu rõ về quyền của các em, ngăn chặn tình trạng trẻ em bị ngược đãi....

Tư pháp: Phối hợp với trung tâm trợ giúp pháp lý tư vấn pháp lý cho gia đình và cho trẻ em, thiết lập dịch vụ hỗ trợ cho trẻ em khi bị xâm hại, ngược đãi,...Tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em, cũng như ngăn chặn việc vi phạm pháp luật ở trẻ em.

Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên: Chủ trì, phối hợp các ban ngành chuyên môn khác thành lập các câu lạc bộ, các hoạt động Đoàn, Đội... thường xuyên tuyên truyền, tham vấn cho toàn thể nhân dân về việc bảo vệ trẻ em, góp phần cải thiện thu nhập gia đình. Phối hợp với các ban ngành liên quan tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao .Tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của gia đình và chính bản thân của các em trong việc bảo đảm an toàn cho các em, vận động học sinh đến trường. Phối hợp với các thành viên Ban BVCSTE xã tổ chức tuyên truyền lưu động các nội dung phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại các điểm trường học và các trục đường trên địa bàn xã.

Cộng tác viên: Thực hiện thu thập thông tin, số liệu, báo cáo kịp thời trên địa bàn mình phụ trách khi có dấu hiệu xấu xảy ra ảnh hưởng đến trẻ em để kịp thời ngăn ngừa.

- Việc ưu tiên bố trí nguồn lực cho công tác trẻ em;

Hàng năm, UBND xã tổ chức vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em. Đồng thời trích kinh phí từ Quỹ để tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em nhân dịp lễ tết hoặc ốm đau, tai nạn thương tích.

- Sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhà trường, gia đình và cộng đồng…

Các nhà trường trên địa bàn xã thực hiện tốt Quyền trẻ em theo Luật Bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em và Luật Giáo dục.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, ngăn chặn kịp thời các hành vi bạo lực trẻ em trong các trường học.

- Tổ chức tuyên truyền kế hoạch phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em trong các nhà trường.

- Ủy ban MTTQ VN, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội nông dân tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", " Gia đình không có trẻ em suy dinh dưỡng",…

- Phối hợp với CC LĐTBXH tuyên truyền, vận động toàn dân hưởng ứng " Tháng hành động vì trẻ em"; xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp.

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành liên quan tổ chức các hoạt động hè; Phối hợp tổ chức các điểm vui chơi đón Tết trung thu cho trẻ em trên địa bàn huyện. Tổ chức tuyên truyền lồng ghép các buổi sinh hoạt Đoàn, Đội nôi dung Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, lồng ghép các kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em, đặc biệt là phòng tránh đuối nước trong mùa hè.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các hội viên về vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia thực hiện công tác Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, lồng ghép các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em.

- Các Cộng Tác viên 09 thôn, làng tổ chức tuyên truyền tại thôn, làng mình để các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng công tác Bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em và phổ biến rộng rãi Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các văn bản của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em nhân các dịp lễ, tết, khai giảng, năm học mới,…

- Quan tâm, giúp đỡ, động viên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại thôn làng, kịp thời phát hiện và báo cáo về UBND xã các trường hợp trẻ em bị ngược đãi, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em buôn bán ma túy…

III. Những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, tập trung đánh giá vai trò của cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt là trong phát hiện, giải quyết những vấn đề bức xúc xã hội về trẻ em tại địa phương; công tác quản lý của Nhà nước về chăm sóc, giáo dục và

bảo vệ trẻ em; số lượng, chất lượng, chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em nói chung và bảo vệ trẻ em nói riêng ở cơ sở; sự hiệu quả, tính khả thi, việc phối hợp trong triển khai các chương trình, đề án về công tác trẻ em; đầu tư nguồn lực; công tác thông tin, tuyên truyền…

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, việc thực hiện các tiêu chí đánh giá xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vẫn còn nhiều hạn chế. Cụ thể như sau:

- Tỷ lệ trẻ em sống trong các gia đình nghèo vẫn còn khá cao chiếm 40,79 % tổng số trẻ em trên địa bàn xã.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ em qua việc khám sức khỏe tổng quát định kỳ trong năm chưa được thực hiện vì hoạt động này cần một nguồn kinh phí khá lớn trong khi đó, gần 50% số trẻ em trên địa bàn xã thuộc hộ nghèo nên tiêu chí này khó thực hiện được.

- Mặc dù xã Kông Lơng Khơng nhận được nhiều sự quan tâm và hỗ trợ của Nhà nước qua các Chương trình 135, 134, Quyết định 755, dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện,… nhưng xã vẫn còn rất nhiều hộ nghèo, kinh tế gặp nhiều khó khăn nên tỷ lệ trẻ sống trong các gia đình có sử dụng nước sạch và có nhà vệ sinh vẫn còn nhiều.

- Trên địa bàn xã hiện tại chưa tổ chức được các buổi tọa đàm hay diễn đàn trẻ em Đây là một thiếu sót khá lớn trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Các hoạt động và cần có chương trình, kế hoạch cụ thể, lâu dài và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ban ngành, đoàn thể cấp xã và tại thôn, làng. Bên cạnh đó cũng cần có sự quan tâm tạo điều kiện và khuyến khích của các bậc cha mẹ dành cho con trẻ.

Xã Kông Lơng Khơng là xã vùng II của huyện nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, mức sống của người dân còn thấp, một bộ phận dân cư chưa chú trọng đến công tác chăm sóc, quan tâm trẻ em trong gia đình mình, việc học tập của trẻ em còn chưa được quan tâm đúng mức. Cụ thể là vẫn có 18 trẻ bỏ học, chưa hoàn thành chương trình phổ cập trung học cơ sở.

- Mặc dù công tác tuyên truyền về các chính sách, chương trình liên quan đến chế độ và quyền lợi của trẻ em được phổ biến rộng rãi nhưng một số hộ dân vẫn chưa nắm được nên việc hỗ trợ cho các em còn chưa kịp thời và hiệu quả.

- Công tác đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí cho trẻ em vẫn đang được quan tâm, công trình xây dựng khu vui chơi trẻ em vẫn còn nằm trong diện quy hoạch nên chưa xây dựng được chưa đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ em trên địa bàn xã.

- Hiện tại UBND xã chưa có trường bán trú cho các em học sinh tiểu học mà chỉ có các điểm trường tại một số làng nên có nhiều em vì điều kiện ở xa trường học lại không có phương tiện đi lại và người đưa đón nên tình trạng trẻ em bỏ học còn xảy ra.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác truyền thông, giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa sâu rộng, thường xuyên liên tục ở các thôn, làng nên hiệu quả tác động thay đổi hành vi về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn hạn chế.

+ Các loại hình dịch vụ Internet, game có tính bạo lực ảnh hưởng đến suy nghĩ, hành vi và kết quả học tập của các em.

+ Nguồn lực đầu tư cho công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em còn thấp.

*** Bài học kinh nghiệm**

- Trong những năm tiếp theo, UBND xã cần quan tâm hơn nữa đến công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn mình qua việc xây dựng kế hoạch hoạt động theo giai đoạn, tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em, tăng cường sự tham gia của trẻ ; chú trọng công tác đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu cho trẻ trên địa bàn;

- Cán bộ trẻ em phối hợp với các cộng tác viên trẻ em tại các thôn, làng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chế độ, chính sách của Nhà nước dành cho trẻ em;

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về số lượng đối tượng trẻ em theo từng độ tuổi, số trẻ em nằm trong nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt và số trẻ có nguy cơ rơi vào nhóm trẻ đặc biệt để kịp thời nắm bắt và đánh giá.

IV. Những khó khăn, thách thức và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác trẻ em trong giai đoạn tới.

Khó khăn, thách thức

Nhận thức về vai trò, vị trí của trẻ em cũng như vai trò trách nhiệm của người lớn, của xã hội đối với việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa cao.

Các điểm vui chơi và các hình thức giải trí phù hợp với trẻ em còn thiếu. Nguồn lực trong xã hội dành cho sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em chưa đáp ứng yêu cầu.

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ dễ bị tổn thương còn khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ.

Công tác vận động, tuyên truyền, can thiệp, trợ giúp cũng gặp không ít khó khăn, bản thân đối tượng không chịu khó tiếp thu, vươn lên trong cuộc sống, còn trông chờ vào chính sách của Nhà nước. Tình trạng rượu chè ở các làng còn xảy ra đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chăm sóc, BVCS&GD trẻ em.

Tình trạng trẻ em hay nghỉ học theo cha mẹ lên nương, khó khăn trong việc vận động học sinh học ở điểm làng ra lớp, một số phụ huynh ít quan tâm đến con em mình. Tình trạng cha mẹ sao nhãng không quan tâm đến trẻ; trẻ tiếp cận quá sớm với những văn hóa

tiêu cực, việc rèn luyện ký năng sống, kỹ năng giao tiếp cho trẻ chưa thường xuyên; một số gia đình quá cưng chiều trẻ làm trẻ có thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

Cán bộ công tác trẻ em đảm nhận nhiều công việc đôi lúc đôi khi còn hạn chế và chưa được chu đáo, đội ngũ cộng tác viên thôn, làng chưa hoàn thiện đôi khi chưa tham gia đầy đủ và chưa nhiệt tình.

Những hoạt động tuyên truyền BVCS và GD trẻ em trên từng lĩnh vực chuyên môn: Y tế, giáo dục, văn hoá, pháp luật và còn một số mầm bệnh còn tiền ẩn có thể phát sinh bất cứ lúc nào làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và trí tuệ của các em.

Dịch bệnh covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp, học sinh các cấp học chưa thích nghi được với hình thức học trực tuyến nên hiệu quả chưa cao, thêm vào đó các cha mẹ phải đi làm kinh tế nên không thể quan tâm, hướng dẫn các em học hành như tại trường. Nhiều gia đình cũng không có các phương tiện học tập nên thiệt thòi cho các em học sinh.

Xã hội hiện đại nảy sinh nhiều vấn đề: Ly hôn, tảo hôn, bạo lực gia đình, tệ nghiện rượu, bài bạc, ma túy…ảnh hưởng rất xấu đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ.

Phương hướng, nhiệm vụ

Huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân ủng hộ, hỗ trợ, chăm lo cho trẻ em nói chung và tổ chức các hoạt động chăm lo cho trẻ em nhân dịp lễ tết nói riêng.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm, văn hoá phẩm, đặc biệt thực phẩm phục vụ các ngày lễ, tết; ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật việc kinh doanh các văn hóa phẩm, các sản phẩm, đồ chơi, trò chơi cho trẻ em không rõ nguồn gốc, có tính chất bạo lực, kích động, phản giáo dục, không phù hợp với lứa tuổi trẻ em hoặc chứa chất độc hại, nguy hiểm cho trẻ em.

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác trẻ em, bảo đảm có người được phân công nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cấp xã và địa bàn dân cư. Đưa nhiệm vụ thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em vào các chương trình, kế hoạch công tác năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

Huy động nguồn lực từ các tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, cả cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, nhất là chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em trong các gia đình nghèo.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em ở địa phương, đặc biệt ở cấp cơ sở. Thực hiện tốt Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Thường xuyên nắm bắt thông tin, báo cáo với ngành cấp trên và đơn vị quản lý nhà nước có liên quan để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; kịp thời phát hiện, xử lý thông tin về trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần được trợ giúp, can thiệp và ngăn chặn các hành vi xâm hại trẻ em.

Đề nghị các ngành cấp trên tiếp tục có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kiến thức về công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Cần thường xuyên cấp các tài liệu, tạp chí, tập san để tuyên truyền nhằm mục đích nâng cao nhận thức cho cán bộ, đặc biệt là tầng lớp nhân dân về công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Tạo thêm nhiều sân vui chơi, giải trí nhiều hơn nữa cho các em có thể tham gia vui chơi giải trí.

Nơi nhận :
- Phòng LĐTBXH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Lưu: VP, VH-XH.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Lum

B. BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 20-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW

1. Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW từ 2012 đến nay (*thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành*)

STT	Cơ quan ban hành	Số lượng	Tỷ lệ
	Cấp xã (*Ghi tỷ lệ % số xã/phường/thị trấn có ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo)*	02 kế hoạch	

2. Hoạt động kiểm tra/giám sát, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW

(đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)

	Kiểm tra/giám sát		Sơ kết, đánh giá			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ định kỳ		
				3 năm	5 năm	Khác (ghi rõ)
Cấp xã	[_]	[_x] Giám sát chương trình tiêm chủng và Làm cha mẹ	[_]	[_]	[_x]	.....

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Số liệu cơ bản về dân số trẻ em và tình hình trẻ em

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
I	**Dân số trẻ em**				
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	1170	1323	1449
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/ tổng dân số	%	**29,02**	**30**	**31,86**
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	**521**	**542**	**592**
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	**12,3**	**12,43**	**13,02**
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ dưới 6 tuổi	%	**100**	**100**	**100**

4	Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi	Người	**183**	**192**	**187**
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	**4,03**	**5**	**4,11**
II	**Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**	Người	**6**	**13**	**14**
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	Người	**2**	**3**	**1**
2	Trẻ em bị bỏ rơi	Người			
3	Trẻ em không nơi nương tựa	Người			
4	Trẻ em khuyết tật	Người	**4**	**9**	**11**
5	Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	Người			
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	Người			
7	Trẻ em nghiện ma túy	Người			
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Người			
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	Người			
10	Trẻ em bị bóc lột	Người			
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	Người			
12	Số trẻ em bị mua bán	Người			
13	Số trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Người		**1**	**2**
14	Số trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	Người			
III	**Trẻ em có hoàn cảnh khác**	**Người**	**5**	**12**	**11**
	Trẻ em bị tai nạn thương tích	Người	**5**	**12**	**11**
1	Trẻ em tử vong do tai nạn	Người	**0**		**1**

	thương tích Trong đó:				
2	Trẻ em tử vong do tai nạn đuối nước	Người			
3	Trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	Người			1

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về trẻ em

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
I	**Bảo vệ trẻ em**				
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em	%	**0,51**	**0,98**	**0,97**
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	**100**	**100**	**100**
3	Số trẻ em bị bạo lực [1]	Người	**0**	**0**	**0**
4	Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng dân số trẻ em	%	**0**	**0**	**0**
5	Tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên	%	**0**	**0**	**0**
6	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	‰	**0,004**	**0,009**	**0,007**
7	Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích	‰	**0**	**0**	**0,69**
8	Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.	%	**100**	**100**	**100**
9	Tỷ lệ mức giảm số cuộc tảo hôn hằng năm	%	**3**	**3**	**5**
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh	%	**98**	**100**	**100**
II	**Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe,**				

[1] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 .

	dinh dưỡng cho trẻ em				
1	Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	%	**90**	**93**	**95**
2	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống	%	**0,001**	**0,001**	**0,001**
~~3~~	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%	**0,001**	**0,001**	**0,001**
4	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
5	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰			
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng		**19,2**	**17,15**	**13,14**
	Thể cân nặng theo tuổi	%			
	Thể chiều cao theo tuổi	%			
	Thể béo phì	%			
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	**89**	**92**	**98**
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	**87**	**90**	**98**
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh	%	**100**	**100**	**100**
10	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi[2].	%	**100**	**100**	**100**
III	**Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em**				
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%	**88**	**90**	**94**
2	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi	%	**92**	**97**	**99**

[2] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

	học mẫu giáo				
3	Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi [3]	%	**92**	**97**	**99**
4	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non[4]	%	**92**	**97**	**99**
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non[5]	%	**95**	**97**	99
6	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học	%	**87**	**93**	**95**
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học[6]	%	**80**	**83,5**	87,8
8	Tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học	%	**5**	**3,3**	**1,7**
9	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp học trung học cơ sở	%	**92**	**95**	**98**
10	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở[7]	%	**90**	**92**	95
11	Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở	%	**2,7**	**2,5**	**1,9**
12	Tỷ lệ trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em	%			
13	Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật	%			
14	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp	%	**0**	**0**	**0**
15	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có	%			**100**

[3] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.
[4] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.
[5] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.
[6] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.
[7] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

	điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em				
IV	**Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**				
1	Tỷ lệ trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp	%	**5**	**20**	**35**
2	Tỷ lệ trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em	%	**25**	**30**	**60**
3	Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em	%	**25**	**30**	**60**
4	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp[8]	%	**0**	**25**	**0**

3. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục

Stt	Công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
1	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương?				
	Trong đó:				
1.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Chương trình			
1.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Đầu Chương trình, Chuyên mục			
1.3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự			

[8] Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

		kiện			

4. Tổ chức, bộ máy làm công tác trẻ em

STT	Số lượng cán bộ làm công tác trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
1	**Địa phương (tổng số)**	Người	1	15	12
1.1	Cấp xã	Người	1	3	3
	Chuyên trách	*Người*	1	1	1
	Kiêm nhiệm	*Người*		2	2
1.2	Cộng tác viên thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	0	12	9

5. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ trẻ em

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
1	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Triệu đồng			
1.1	*Ngân sách địa phương*	*Triệu đồng*			
1.1.1	*Ngân sách do xã, phường, thị trấn bố trí (không tính nguồn ngân sách do cấp tỉnh, huyện phân bổ về)*	*Triệu đồng*		***1***	***3***
1.2	*Các nguồn kinh phí vận động khác*	*Triệu đồng*			
1.2.1	*Vận động của Quỹ bảo trợ trẻ em địa phương (huyện, xã)*	*Triệu đồng*		***10,9***	***3***
1.2.2	*Vận động từ các tổ chức quốc tế*	*Triệu đồng*		***0***	***0***

2	Mức phụ cấp cho cộng tác viên thôn, bản, ấp/tháng	Đồng Việt Nam			

6. Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

Stt	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Cơ sở			
1.1	*Số cơ sở công lập (bao gồm các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em)*	Cơ sở			
1.2	*Số cơ sở ngoài công lập*				
2	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm công tác xã hội hoặc có Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện			
3	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	*0*	*0*	*9*
4	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	*0*	*0*	*3*